

Bản án số: 182/2025/LĐ-ST

Ngày: 10 - 4 - 2025

V/v: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Tố Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thu Yên – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An;

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng – Nguyên cán bộ Phòng Tài chính thành phố Thuận An.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 366/2024/TLST-LĐ ngày 06/11/2024 về việc: “Tranh chấp về hợp đồng lao động”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2025/QĐXXST-LĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1991; địa chỉ thường trú: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: A khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh năm 2001; địa chỉ thường trú: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Tiền Giang hoặc ông Võ Thành T1, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1995; địa chỉ thường trú: Khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: A khu phố Đ, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương -

người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H1 - Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***- Theo đơn khởi kiện ngày 05/8/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T, trình bày:***

Do có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà có đến liên hệ với Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương để rút bảo hiểm theo quy định và được Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương thông báo thời điểm từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 bà có ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH A nên Công ty TNHH A có thực hiện đóng bảo hiểm cho bà vào thời gian trên. Tuy nhiên, trên thực tế khoảng thời điểm nêu trên bà đang làm việc tại công ty khác nên cùng một khoảng thời gian bà được đóng bảo hiểm xã hội tại hai công ty. Nguyên nhân sự việc là do: Vào khoảng tháng 10/2010, bà có cho em gái tên Nguyễn Thị Ngọc T2 mượn giấy chứng minh nhân dân của bà, để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH A với tên của bà Nguyễn Thị Ngọc T và tham gia bảo hiểm xã hội với tên của bà tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012, nhưng trên thực tế người có tên là Nguyễn Thị Ngọc T2 ký kết hợp đồng và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH A, do thời điểm nêu trên bà Nguyễn Thị Ngọc T2 chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên mới mượn chứng minh của bà để thực hiện ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH A. Do thời gian đã lâu nên hiện nay bà Nguyễn Thị Ngọc T2 không còn hợp đồng lao động trên để cung cấp cho Tòa án.

Hiện nay Công ty TNHH A đã giải thể doanh nghiệp chấm dứt tồn tại.

Nhận thấy, việc ký kết hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T2 (hồ sơ là bà Nguyễn Thị Ngọc T) và Công ty TNHH A là sai quy định, đã vi phạm nguyên tắc trung thực, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của bà. Do đó bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên Hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên là Nguyễn Thị Ngọc T (do Nguyễn Thị Ngọc T2 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH A trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ. Bà Nguyễn Thị Ngọc T không có yêu cầu Tòa án giải quyết gì về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và tự nguyện chịu mọi chi phí tố tụng, đồng thời có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

***- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T2 trình bày:*** Khoảng tháng 8 năm 2011 do gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bà muốn đi xin việc làm nhưng do không đủ tuổi ký kết hợp đồng lao động với các công ty nên bà có mượn chứng minh nhân dân của chị gái tên Nguyễn Thị Ngọc T để làm hồ sơ xin việc tại Công ty TNHH A từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 thì nghỉ việc. Do thời gian đã lâu bà không còn giữ hợp đồng lao động và hiện nay Công ty TNHH A cũng không còn tồn tại. Sau khi nghỉ việc, bà T2 chưa làm thủ tục để hưởng các quyền lợi bảo hiểm trong thời gian làm việc tại Công ty TNHH A.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Ngọc T2 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng, không yêu cầu độc lập trong vụ án, từ chối nhận các quyền lợi liên quan đến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng ký kết với Công ty TNHH A với tên Nguyễn Thị Ngọc T, đồng thời bà Nguyễn Thị Ngọc T2 yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các phiên tòa xét xử đối với vụ án.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:** Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 09/01/1991, CCCD số 087191005247 được Công ty TNHH A, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - Bệnh nghề nghiệp từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 mã số sổ Bảo hiểm xã hội 7411055306. Đã chốt sổ Bảo hiểm xã hội, chưa hưởng trợ cấp thất nghiệp và trợ cấp Bảo hiểm xã hội một lần.

Ngoài ra, từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 bà Nguyễn Thị Ngọc T cũng được Công ty TNHH M (Việt Nam) tham gia bảo hiểm xã hội với số bảo hiểm xã hội 7411121301.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bảo hiểm xã hội thành phố T đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự chấp hành đúng pháp luật tố tụng.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 15, 16, 49 và 51 Bộ luật Lao động năm 2019; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp hợp đồng lao động.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị Ngọc T (do bà Nguyễn Thị Ngọc T2 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH A trong thời gian từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 là vô hiệu toàn bộ. Bà Nguyễn Thị Ngọc T2 cư trú tại phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định quan hệ pháp luật “tranh

chấp về hợp đồng lao động” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[2] Do Công ty TNHH A đã giải thể chấm dứt tồn tại theo Công văn số 2507/ĐKKD ngày 26/11/2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh B nên ngày 04/3/2025 bà Nguyễn Thị Ngọc T có đơn đề nghị thay đổi tư cách tố tụng cụ thể: Bà không khởi kiện Công ty TNHH A và cũng không thể đưa Công ty TNHH A vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà bà khởi kiện bà Nguyễn Thị Ngọc T2. Căn cứ Điều 68, 245 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án thay đổi tư cách bà Nguyễn Thị Ngọc T2 từ người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thành bị đơn trong vụ án.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH A. Hiện nay Công ty TNHH A đã giải thể chấm dứt tồn tại, bà Nguyễn Thị Ngọc T và bà Nguyễn Thị Ngọc T2 thống nhất có việc cho mượn hồ sơ và có giao kết hợp đồng. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy: Qua tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thông tin Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương cung cấp có cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị Ngọc T có cho bà Nguyễn Thị Ngọc T2 mượn hồ sơ mang tên bà để xác lập hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 tại Công ty TNHH A theo số Bảo hiểm xã hội 7411055306. Trong khoảng thời gian trên, bà Nguyễn Thị Ngọc T cũng tham gia lao động tại Công ty TNHH M (Việt Nam) tham gia bảo hiểm xã hội với số bảo hiểm xã hội 7411121301.

Thực tế đối tượng lao động và ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH A từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 là bà Nguyễn Thị Ngọc T2 chứ không phải bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Việc bà Nguyễn Thị Ngọc T2 mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị Ngọc T để đi làm tại Công ty TNHH A là vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo khoản 1 Điều 15 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo khoản 2 Điều 16 Bộ luật Lao động 2019. Do đó, bà Nguyễn Thị Ngọc T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T (do bà Nguyễn Thị Ngọc T2 mượn tên) với Công ty TNHH A trong khoảng thời gian từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[6] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án. Mặc dù các đương sự đã được Tòa án giải thích về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền yêu

cầu nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đối với bị đơn, mặc dù đã được triệu tập nhưng không đến tham gia tố tụng nên trường hợp sau này có phát sinh tranh liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng 17, 19, 50, 51, 52 Bộ luật Lao động năm 2012 (các Điều 15, 16, 49, 50, 51 Bộ luật Lao động năm 2019).

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động” với bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T2.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Ngọc T (*do bà Nguyễn Thị Ngọc T2 ký kết*) và Công ty TNHH K trong thời gian từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 5 năm 2012 vô hiệu.

3. Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu:

Cơ quan BHXH có thẩm quyền thực hiện các chế độ BHXH đối với Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 09/01/1991, CCCD số 087191005247, số Sổ BHXH 7411121301 theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc T tự nguyện chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí lao động sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005308 ngày 24/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tố Uyên**